

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001491

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Ô tô) (233001) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022** Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-22**

Số SV có mặt: 33
Số bài thi: 33
Số tờ giấy thi: 33

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đào Thanh Sơn</i>	<i>Ng. T. N. B.</i>	<i>TC</i>	<i>Ph</i>
		<i>C.T. T.</i>	<i>Thánh Phúc</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120170143	NGUYỄN ĐỨC ANH	06/06/2001	CCQ2017E		044	<i>Anh</i>	9,0	5,0	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120170249	ĐIỀU BẦY	01/09/2000	CCQ2017H		033	<i>Điêu B</i>	8,0	5,0	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120170250	LÊ BẢO BÌNH	19/02/2001	CCQ2017H		022	<i>B</i>	9,1	5,0	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120170179	MAI ĐỨC CHIẾN	10/12/2002	CCQ2017F		011	<i>Chiến</i>	7,7	6,5	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120170252	PHẠM ĐÌNH CHUÔNG	01/03/2002	CCQ2017H		044	<i>Ch</i>	8,9	7,5	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2120170181	NGUYỄN THÀNH CÔNG	28/03/2002	CCQ2017F		033	<i>Công</i>	7,9	6,0	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120170183	LÊ QUANG DŨNG	22/12/2002	CCQ2017F		022	<i>Dũng</i>	8,9	6,0	7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120170182	NGUYỄN ĐÌNH DUY	04/10/2002	CCQ2017F		044	<i>Duy</i>	7,5	4,5	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120170391	LÊ BÁ ĐÀI	12/04/2002	CCQ2017L		044	<i>Đai</i>	8,0	2,0	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120170184	HUỲNH TIẾN ĐẠT	23/10/2002	CCQ2017F		044	<i>Đạt</i>	9,1	5,0	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120170254	NGUYỄN TẤN ĐẠT	13/10/2002	CCQ2017H		044	<i>Đạt</i>	7,6	6,0	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120170075	TRƯƠNG CẢNH ĐẠT	14/05/2002	CCQ2017C		011	<i>Đạt</i>	8,6	7,0	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120170567	BÙI CÔNG ĐIỂN	25/12/2001	CCQ2017Q							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120170693	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	16/08/2002	CCQ2017G		011	<i>Đông</i>	8,7	6,5	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120170256	NGUYỄN THẾ LINH ĐƠN	17/05/2002	CCQ2017H		022	<i>Đơn</i>	8,2	6,0	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120170257	LÊ HUỲNH ĐỨC	22/12/2002	CCQ2017H		033	<i>Đ</i>	9,1	7,5	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2119170277	VÕ TRƯỜNG GIANG	14/07/2000	CCQ1917I							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120170671	NGUYỄN PHAN HẬU	05/06/2002	CCQ2017D		033	<i>Hậu</i>	9,7	8,5	9,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120170187	PHẠM VĂN HIỆU	25/04/2001	CCQ2017F		022	<i>Huệ</i>	8,7	7,5	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120170084	VÕ KHÁNH HÒA	30/04/2001	CCQ2017C		033	<i>H</i>	8,0	5,5	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001491

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Ô tô) (233001) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-22**

Số SV có mặt: **33**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **33**

Cán bộ coi thi 1  Cao Thanh Sung	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn T. N. Lail	G.Viên chấm thi 1  Trần Tú	G.Viên chấm thi 2  Phan Thị Phú Chảo
---	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170147	ĐẶNG ANH HOÀI	07/12/2002	CCQ2017E		022		8,0	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120170258	PHẠM MINH HOÀNG	01/11/2001	CCQ2017H		033		8,8	4,0	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120170148	PHẠM NGUYỄN BÁ HOÀNG	25/02/2001	CCQ2017E		022		8,9	5,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120170220	NGUYỄN QUỐC HỘI	16/07/2002	CCQ2017G		033		9,1	7,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120170698	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/08/2001	CCQ2017H		022		8,2	5,0	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120170222	NGUYỄN ĐỨC HUY	01/09/2002	CCQ2017G		033		8,6	6,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120170682	PHAN NHẬT HUY	10/05/2002	CCQ2017E		022		8,8	8,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120170261	TRẦN MẬU HUY	17/03/2002	CCQ2017H		033		8,2	6,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120170086	NGUYỄN THANH HƯNG	15/12/2002	CCQ2017C		044		7,9	5,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120170763	TRẦN QUANG KHÔI	26/07/2002	CCQ2017E		011		8,5	4,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120170227	ĐỖ TUẤN KIẾT	08/11/2002	CCQ2017G		044		9,0	5,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120170120	TRƯƠNG VĨ KIẾT	29/07/2002	CCQ2017D		011		8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120170539	NGUYỄN VĨNH KỶ	11/07/2002	CCQ2017P		044		8,7	7,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120170122	NGUYỄN THANH LÂM	27/12/2002	CCQ2017D		011		8,0	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120170660	TRƯƠNG QUANG LINH	21/04/2002	CCQ2017B		044		7,9	5,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001492

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Ô tô) (233001) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

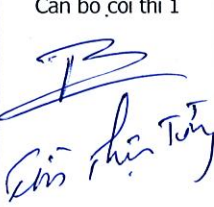
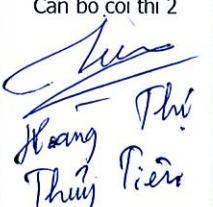
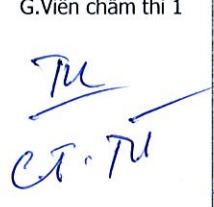
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: **33**.....

Số bài thi: **33**.....

Số tờ giấy thi: **33**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120170124	VÕ MINH LUÂN	27/05/2002	CCQ2017D		003		8,8	5.0	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120170193	TRẦN ĐÌNH MẠNH	11/02/2002	CCQ2017F		044		8,3	5.5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120170442	THIỀU LÊ QUANG MINH	29/05/2002	CCQ2017M		033		8,3	7.5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120170266	NGUYỄN HOÀI NAM	28/08/2002	CCQ2017H		022		8,8	8.0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120170154	LÊ TRUNG NGUYỄN	03/05/2002	CCQ2017E		011		8,3	7.0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120170683	HUỖNH NGỌC NHÂN	12/01/2002	CCQ2017E		044		8,3	5.0	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120170269	NGUYỄN ĐẶNG MẠNH PHỐ	25/11/2002	CCQ2017H		033		9,1	5.5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120170092	NGUYỄN BÙI TRỌNG PHÚ	02/12/2002	CCQ2017C		022		8,5	5.5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120170159	TRƯƠNG NGỌC PHÚC	29/01/2002	CCQ2017E		011		8,2	5.0	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120170231	HUỖNH HỮU PHƯỚC	13/12/2002	CCQ2017G		044		8,8	6.5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120170198	NGUYỄN NHẬT QUANG	25/09/2002	CCQ2017F		033		7,8	4.5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120170547	LÊ HỮU SƠN	20/05/2002	CCQ2017P		022		9,2	8.0	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120170699	NGUYỄN THẾ TÀI	09/08/2002	CCQ2017H		011		7,8	4.5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120170513	NGUYỄN TRẦN BẢO TÀI	11/12/2002	CCQ2017O		044		8,2	6.5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120170236	TÔ TẤN TÀI	28/06/2002	CCQ2017G		033		8,5	3.5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120170062	NGUYỄN THANH TÂM	03/04/2002	CCQ2017B		022		9,0	6.0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120170021	PHẠM NGỌC TẤN	13/02/2002	CCQ2017A		011		9,1	7.0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120170274	NGUYỄN VĂN TẦU	25/01/2002	CCQ2017H		044		7,8	6.5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120170239	LÊ VĂN THẮNG	03/02/2000	CCQ2017G		033		8,3	4.0	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120170095	NGUYỄN MẠNH THẮNG	19/09/2002	CCQ2017C		022		8,3	8.0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001492

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Ô tô) (233001) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **22/04/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: ...83...

Số bài thi:83.....

Số tờ giấy thi: ...83...

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170241	TỬ LINH THƯƠNG	17/08/2002	CCQ2017G		011		8,1	6,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120170628	PHẠM PHƯỚC MINH TIẾN	31/12/2002	CCQ2017R		044		7,7	5,0	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120170168	NGUYỄN HỮU TÌNH	29/01/2002	CCQ2017E		033		8,2	6,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120170243	BÙI THANH TRAI	08/01/2002	CCQ2017G		022		8,6	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120170101	LƯƠNG VÕ THIÊN TRIỀU	01/11/2002	CCQ2017C		011		8,7	6,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120170170	HOÀNG VĂN TRUNG	20/12/2002	CCQ2017E		044		8,6	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120170173	DƯƠNG THANH TUẤN	31/03/2002	CCQ2017E		033		6,5	4,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120170383	VŨ MINH TUẤN	22/10/2001	CCQ2017K		0022		8,0	5,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120170138	VÕ THANH TÙNG	06/11/2001	CCQ2017D		011		8,4	6,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120170561	NGUYỄN THANH TUYỀN	14/07/2002	CCQ2017P							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120170245	TÔ NGỌC VIỆT	27/08/2002	CCQ2017G		033		8,7	8,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120170281	VÕ ĐÌNH VIỆT	20/12/2002	CCQ2017H		022		8,0	6,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120170177	HUYỀN VĂN VƯƠNG	26/03/2002	CCQ2017E		011		8,8	8,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120170685	NGUYỄN TRIỆU VỸ	27/07/2002	CCQ2017E		044		8,5	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9